

Số: **63** /TB-UBND

Thủy Nguyên, ngày **30** tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc phân bổ số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
giáo dục và đào tạo các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
năm 2024 huyện Thủy Nguyên**

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND thành phố Hải Phòng, Thông báo số 15/TB-SNV ngày 18/01/2024 của Sở Nội vụ thành phố về biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Thủy Nguyên năm 2024; Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về số lượng lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2024;

Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên thông báo phân bổ số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo các bậc học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2024 trên địa bàn huyện, chi tiết cụ thể như sau:

- Bậc học mầm non: 1.903 người (trong đó gồm: 1.489 biên chế sự nghiệp và 26 lao động hợp đồng, 388 lao động hợp đồng nhân viên nấu ăn);
- Bậc học tiểu học: 1.471 người (trong đó gồm: 1.457 biên chế sự nghiệp và 14 lao động hợp đồng);
- Bậc học THCS: 1.284 người (trong đó gồm: 1.195 biên chế sự nghiệp và 89 lao động hợp đồng).

(có biểu chi tiết phân bổ kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên thông báo để các Trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan được biết và thực hiện. *./*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ TP (để báo cáo);
- Kho bạc NN Thủy Nguyên;
- P.NV, P.GD&ĐT, P.TC-KH;
- Các Trường: THCS, TH, MN thuộc huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT. *./*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Hoàng

PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẠC HỌC MẦM NON NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: 63 /TB-UBND ngày 30 /01/2024 của UBND huyện Thủy Nguyên)

Số TT	Tên trường Mầm non	Phân bố số người làm việc năm 2024				Ghi chú
		Tổng số	Chia ra			
			Biên chế sự nghiệp	Lao động hợp đồng theo NĐ 111	Số lao động hợp đồng nấu ăn	
A	B	1	2	3	4	5
1	An Sơn	45	36	1	8	
2	Chính Mỹ	47	36	1	10	
3	Hợp Thành	49	39		10	
4	Kỳ Sơn	58	45	1	12	
5	Lại Xuân	57	47		10	
6	Phù Ninh	41	33	1	7	
7	Quảng Thanh	61	48	1	12	
8	Đông Sơn	48	37	1	10	
9	Mỹ Đồng	47	37	1	9	
10	Cao Nhân	40	31	1	8	
11	Kiên Bái	62	47	1	14	
12	Thiên Hương	52	40	1	11	
13	Thủy Sơn	45	34	1	10	
14	Hoa Động	53	41	1	11	
15	Dương Quan	46	36	1	9	
16	Hoàng Động	46	36	1	9	
17	Lâm Động	37	29	1	7	
18	Tân Dương	48	37	1	10	
19	An Lư	68	52	1	15	
20	Trung Hà	39	32		7	
21	Hoà Bình	67	52	1	14	
22	Kênh Giang	62	48		14	
23	Thủy Đường	63	47	1	15	
24	Thủy Triều	56	43	1	12	
25	Gia Đức	38	31		7	
26	Liên Khê	77	60		17	
27	Gia Minh	36	29		7	
28	Lưu Kiếm	75	59	1	15	
29	Lưu Kỳ	30	25		5	
30	Minh Tân	63	48	1	14	
31	Phả Lễ	40	31	1	8	
32	Lập Lễ	62	48	1	13	
33	Ngũ Lão	67	51	1	15	
34	Phục Lễ	39	31		8	
35	Tam Hưng	30	25		5	
36	Sao Mai	59	48		11	
37	Minh Đức	50	40	1	9	
Tổng		1.903	1.489	26	388	

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN

PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẠC TIỂU HỌC NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: **63** /TB-UBND ngày **30**/01/2024 của UBND huyện Thủy Nguyên)

Số TT	Tên trường Tiểu học	Phân bố số người làm việc năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Chia ra		
			Biên chế sự nghiệp	Lao động hợp đồng theo ND 111	
A	B	1	2	3	4
1	An Sơn	28	28		
2	Lại Xuân	42	42		
3	Kỳ Sơn	41	41		
4	Phù Ninh	29	29		
5	Quảng Thanh	48	47	1	
6	Chính Mỹ	46	45	1	
7	Hợp Thành	35	35		
8	Cao Nhân	40	40		
9	Mỹ Đồng	33	33		
10	Kiên Bái	51	50	1	
11	Thiên Hương	51	50	1	
12	Thủy Sơn	37	37		
13	Đông Sơn	31	31		
14	Hoàng Động	37	37		
15	Lâm Động	26	26		
16	Hoa Động	42	42		
17	Tân Dương	38	38		
18	Dương Quan	36	36		
19	Thủy Đường	53	52	1	
20	An Lư	58	57	1	
21	Trung Hà	29	29		
22	Thủy Triều	52	51	1	
23	Ngũ Lão	58	57	1	
24	Phục Lễ	29	29		
25	Phả Lễ	27	27		
26	Lập Lễ	50	49	1	
27	Tam Hưng	29	29		
28	Minh Tân	45	45		
29	Lưu Kiếm	66	65	1	
30	Liên Khê	49	48	1	
31	Gia Minh	20	20		
32	Gia Đức	27	27		
33	Kênh Giang	44	43	1	
34	Hoà Bình	57	56	1	
35	Núi Đèo	46	45	1	
36	Minh Đức	41	41		
	Tổng	1.471	1.457	14	

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN



PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: **63** /TB-UBND ngày **30** /01/2024 của UBND huyện Thủy Nguyên)

Số TT	Tên trường Trung học cơ sở	Phân bố số người làm việc năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Chia ra		
			Biên chế sự nghiệp	Lao động hợp đồng theo ND 111	
A	B	1	2	3	4
1	Phan Chu Trinh	45	43	2	
2	Lại Xuân	43	40	3	
3	Kỳ Sơn	36	34	2	
4	Quảng Thanh	42	40	2	
5	Chính Mỹ	36	34	2	
6	Hợp Thành	32	28	4	
7	Cao Nhân	32	30	2	
8	Mỹ Đồng	33	31	2	
9	Kiên Bái	43	40	3	
10	Thiên Hương	44	39	5	
11	Hoàng Động	29	27	2	
12	Lâm Động	26	24	2	
13	Hoa Động	40	39	1	
14	Tân Dương	33	33		
15	Dương Quan	36	35	1	
16	Thủy Đường	47	45	2	
17	An Lư	53	47	6	
18	Nguyễn Văn Cừ	61	59	2	
19	Ngũ Lão	52	47	5	
20	Phục Lễ	29	27	2	
21	Phả Lễ	27	25	2	
22	Lập Lễ	40	37	3	
23	Tam Hưng	29	28	1	
24	Minh Tân	40	35	5	
25	Lưu Kiếm	54	50	4	
26	Liên Khê	44	38	6	
27	Trần Nhật Duật	38	35	3	
28	Trần Hưng Đạo	63	58	5	
29	Hoà Bình	48	44	4	
30	Lê Ích Mộc	69	66	3	
31	Minh Đức	40	37	3	
Tổng		1.284	1.195	89	

Số: 15/TB-SNV

Hải Phòng, ngày 18 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

Biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Thủy Nguyên năm 2024

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và các hội đặc thù thuộc thành phố Hải Phòng năm 2024; Sở Nội vụ thông báo số biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Thủy Nguyên năm 2024 như sau:

1. Biên chế công chức: 114 biên chế, gồm:

- Biên chế Hội đồng nhân dân: 05 biên chế.
- Biên chế Ủy ban nhân dân: 109 biên chế.

2. Số người làm việc, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên: **4.203** người làm việc và **129** hợp đồng lao động, gồm:

- Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: **4.141** người làm việc và **129** hợp đồng lao động (*Kèm theo biểu chi tiết*).

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: **30** người làm việc.

- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao: **32** người làm việc.

3. Hội Chữ thập đỏ: 01 người làm việc.

4. Trách nhiệm thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên thực hiện việc phân bổ biên chế đối với các phòng chuyên môn; thông báo số người làm việc và hợp đồng lao động đến từng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện đảm bảo đúng quy định.

- Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện thực hiện việc quản lý biên chế, số người làm việc, hợp đồng lao

động theo quy định tại Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Nội vụ thông báo đề Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Thủy Nguyên;
- GD, các PGD;
- Phòng: XDCQ&CTTN, TCBC&TCPCP, CCVC;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Quang Trung

UBND TP HẢI PHÒNG
SỞ NỘI VỤ

SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2024
Huyện Thủy Nguyên
(Kèm theo Thông báo số 15/TB-SNV ngày 18/01/2024 của Sở Nội vụ)

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6	7	8=6+7	9
I. Mầm non		1.513	0	1.513	19.461	614	1.489	26	1.515	
1	MN An Sơn				412	15	36	1	37	
2	MN Chính Mỹ				480	15	36	1	37	
3	MN Hợp Thành				529	15	39		39	
4	MN Kỳ Sơn				553	19	45	1	46	
5	MN Lại Xuân				478	19	47		47	
6	MN Phù Ninh				346	15	33	1	34	
7	MN Quảng Thanh				552	20	48	1	49	
8	MN Đông Sơn				443	16	37	1	38	
9	MN Mỹ Đồng				445	15	37	1	38	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6+7</i>	<i>9</i>
10	MN Cao Nhân				475	13	31	1	32	
11	MN Kiên Bái				663	20	47	1	48	
12	MN Thiên Hương				542	16	40	1	41	
13	MN Thủy Sơn				420	14	34	1	35	
14	MN Hoa Động				542	17	41	1	42	
15	MN Dương Quan				413	15	36	1	37	
16	MN Hoàng Động				399	15	36	1	37	
17	MN Lâm Động				380	12	29	1	30	
18	MN Tân Dương				468	15	37	1	38	
19	MN An Lư				821	22	52	1	53	
20	MN Trung Hà				430	13	32		32	
21	MN Hoà Bình				705	22	52	1	53	
22	MN Kênh Giang				648	18	48		48	
23	MN Thủy Đường				768	20	47	1	48	
24	MN Thủy Triều				654	18	43	1	44	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6+7</i>	<i>9</i>
25	MN Gia Đức				353	13	31		31	
26	MN Liên Khê				717	24	60		60	
27	MN Gia Minh				315	12	29		29	
28	MN Lưu Kiếm				811	25	59	1	60	
29	MN Lưu Kỳ				218	10	25		25	
30	MN Minh Tân				743	20	48	1	49	
31	MN Phả Lễ				362	13	31	1	32	
32	MN Lập Lễ				706	20	48	1	49	
33	MN Ngũ Lão				771	22	51	1	52	
34	MN Phục Lễ				449	12	31		31	
35	MN Tam Hưng				212	10	25		25	
36	MN Sao Mai				647	18	48		48	
37	MN Minh Đức				591	16	40	1	41	
II. Tiểu học		1.534	0	1.534	31.053	846	1.457	14	1.471	
<i>1</i>	TH An Sơn				536	15	28		28	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6	7	8=6+7	9
2	TH Lại Xuân				845	24	42		42	Ghi nhận 01 GV có mặt vượt định mức do giám lớp
3	TH Kỳ Sơn				903	24	41		41	
4	TH Phù Ninh				521	15	29		29	Ghi nhận 01 GV có mặt vượt định mức do giám lớp
5	TH Quảng Thanh				1.025	28	47	1	48	
6	TH Chính Mỹ				981	27	45	1	46	
7	TH Hợp Thành				689	20	35		35	
8	TH Cao Nhân				849	23	40		40	
9	TH Mỹ Đồng				675	19	33		33	
10	TH Kiên Bái				1.110	30	50	1	51	
11	TH Thiên Hương				1.054	29	50	1	51	
12	TH Thủy Sơn				730	21	37		37	
13	TH Đông Sơn				605	17	31		31	
14	TH Hoàng Động				742	21	37		37	
15	TH Lâm Động				506	14	26		26	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6+7</i>	<i>9</i>
16	TH Hoa Động				923	25	42		42	
17	TH Tân Dương				755	22	38		38	
18	TH Dương Quan				759	21	36		36	
19	TH Thủy Đường				1.232	31	52	1	53	
20	TH An Lư				1.243	34	57	1	58	
21	TH Trung Hà				581	16	29		29	
22	TH Thủy Triều				1.166	31	51	1	52	
23	TH Ngũ Lão				1.315	34	57	1	58	
24	TH Phục Lễ				597	16	29		29	
25	TH Phả Lễ				597	15	27		27	
26	TH Lập Lễ				1.123	29	49	1	50	
27	TH Tam Hưng				539	16	29		29	
28	TH Minh Tân				972	27	45		45	
29	TH Lưu Kiếm				1.425	40	65	1	66	
30	TH Liên Khê				1.131	29	48	1	49	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6+7</i>	<i>9</i>
31	TH Gia Minh				374	10	20		20	
32	TH Gia Đức				536	15	27		27	
33	TH Kênh Giang				1.009	26	43	1	44	
34	TH Hoà Bình 1				774	21	37		37	
35	TH Hoà Bình 2				320	10	19	1	20	
36	TH Núi Đèo				993	27	45	1	46	
37	TH Minh Đức				918	24	41		41	
III. Trung học cơ sở		1.107	146	1.253	25.652	593	1.195	89	1.284	
1	THCS Phan Chu Trinh				883	21	43	2	45	
2	THCS Lại Xuân				869	20	40	3	43	
3	THCS Kỳ Sơn				714	16	34	2	36	
4	THCS Quảng Thanh				839	20	40	2	42	
5	THCS Chính Mỹ				697	16	34	2	36	
6	THCS Hợp Thành				610	15	28	4	32	
7	THCS Cao Nhân				638	15	30	2	32	
8	THCS Mỹ Đồng				591	15	31	2	33	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6+7</i>	<i>9</i>
9	THCS Kiên Bái				944	21	40	3	43	
10	THCS Thiên Hương				883	20	39	5	44	
11	THCS Hoàng Động				597	13	27	2	29	
12	THCS Lâm Động				513	12	24	2	26	
13	THCS Hoa Động				786	18	39	1	40	
14	THCS Tân Dương				567	14	33		33	
15	THCS Dương Quan				665	17	35	1	36	
16	THCS Thủy Đường				941	22	45	2	47	
17	THCS An Lư				1.100	25	47	6	53	
18	THCS Nguyễn Văn Cừ				1.235	28	59	2	61	
19	THCS Ngũ Lão				1.078	24	47	5	52	
20	THCS Phục Lễ				530	13	27	2	29	
21	THCS Phả Lễ				490	12	25	2	27	
22	THCS Lập Lễ				857	19	37	3	40	
23	THCS Tam Hưng				551	13	28	1	29	
24	THCS Minh Tân				767	18	35	5	40	

STT	Tên đơn vị	Số NLV giao năm 2023			Số lớp, số học sinh năm học 2023-2024		Số NLV giao năm 2024			Ghi chú
		Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	Tổng số học sinh	Tổng số lớp	Biên chế sự nghiệp	HĐLĐ	Tổng số	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1+2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=6+7</i>	<i>9</i>
25	THCS Lưu Kiếm				1.092	26	50	4	54	
26	THCS Liên Khê				866	20	38	6	44	
27	THCS Trần Nhật Duật				700	17	35	3	38	
28	THCS Trần Hưng Đạo				1.285	29	58	5	63	
29	THCS Hoà Bình				965	22	44	4	48	
30	THCS Lê Ích Mộc				1.544	33	66	3	69	
31	THCS Minh Đức				855	19	37	3	40	
	Tổng cộng I + II + III	4.154	146	4.300	76.166	2.053	4.141	129	4.270	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 130 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và các hội đặc thù thuộc thành phố Hải Phòng năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về quyết định biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động trong cơ quan, đơn vị và các hội đặc thù thuộc thành phố Hải Phòng năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 28/TTr-SNV ngày 05/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung 53 biên chế công chức năm 2023 cho các quận, huyện. Sau bổ sung, tổng biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của thành phố năm 2023 là **2.882** biên chế.

Điều 2. Giao biên chế công chức, số người làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng năm 2024, như sau:

1. Tổng biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính: **2.818** biên chế (chi tiết tại Biểu số 1 kèm theo).

2. Tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập: **31.198** người (chi tiết tại Biểu số 5 kèm theo).

3. Tổng số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **2.748** người. (chi tiết tại Biểu số 5 kèm theo).

4. Định mức số người làm việc tại một số hội đặc thù của thành phố: 88 người và 60 hợp đồng lao động (chi tiết tại Biểu số 15 kèm theo).

5. Hợp đồng lao động theo định mức trong cơ quan, đơn vị của thành phố là 2.118 người (chi tiết tại Biểu số 16 kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Thông báo biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quản lý sử dụng biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Tham mưu thực hiện lộ trình tinh giản biên chế công chức, số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở, ngành thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Quyết định phê duyệt cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố có cơ chế quản lý chặt chẽ việc sử dụng kinh phí từ ngân sách đã cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Thông báo biên chế, số người làm việc, hợp đồng lao động cho các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị trực thuộc theo số được giao.

b) Thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo lộ trình theo chỉ đạo và quyết định của cấp có thẩm quyền, gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy theo số biên chế, số người làm việc được giao.

c) Rà soát, xây dựng Đề án điều chỉnh Đề án vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm và đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên và theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xác định mức % tự chủ kinh phí chi thường xuyên tại các đơn vị

sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên trực thuộc để xác định số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, làm cơ sở tinh giản biên chế, giảm số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

d) Thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức đúng yêu cầu của chức danh, vị trí việc làm và đảm bảo chất lượng;

e) Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện, ngoài những nội dung nêu trên, thực hiện một số nội dung sau:

- Bố trí sắp xếp, điều chuyển viên chức dôi dư giữa các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc để đảm bảo thực hiện đúng biên chế sự nghiệp được giao, không để tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Quyết định phê duyệt phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc làm cơ sở thực hiện đề xuất giao biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Xây dựng lộ trình giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc giai đoạn 2022-2026 theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

g) Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, ngoài những nội dung nêu trên, chủ trì thực hiện một số nội dung sau:

- Bố trí sắp xếp, điều chuyển viên chức dôi dư giữa các trường để đảm bảo thực hiện đúng số biên chế sự nghiệp được giao, không để tình trạng thừa thiếu cục bộ giáo viên bộ môn tại các trường trung học phổ thông.

- Xây dựng lộ trình giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước của các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2022-2026 theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập

a) Khẩn trương xây dựng phương án tự chủ về tài chính theo quy định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Xây dựng lộ trình giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước của đơn vị giai đoạn 2022-2026 theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có số người làm việc, hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước được ghi nhận:

- Đối với số người làm việc: Khi giảm thì không thực hiện tuyển dụng, bổ sung, thay thế và đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án sắp xếp viên chức đảm bảo bố trí đúng số lượng theo quy định.

- Đối với số hợp đồng lao động: Khi giảm thì thực hiện giảm hợp đồng và đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án sắp xếp người lao động đảm bảo bố trí đúng số lượng theo quy định; hoàn thành giải quyết số hợp đồng lao động ghi nhận vượt định mức trong năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- BTCTU, VPTU;
- Các Ban của HĐND TP;
- VP ĐDBQH&HĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng, đơn vị: KSTTHC, TCNS, HCTC, TTHNNK TP, Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, KSTTHC6: *p*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng
Nguyễn Văn Tùng

Số: 3845/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 15 tháng 11 năm 2023

UBND HUYỆN THUY NGUYỄN	Số: 13228
DÂN	Nội vụ
	16/11/23

QUYẾT ĐỊNH

Về số lượng lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 2698/SNV-XDCQ&CTTN ngày 06/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Số lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2024 theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố là **1.801 người** (có biểu cụ thể kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện thông báo số lao động hợp đồng vị trí nấu ăn được ngân sách thành phố hỗ trợ đến từng cơ sở giáo dục mầm non công lập trực thuộc; chỉ đạo thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện và xếp lương, phụ cấp lương đối với lao động hợp đồng nấu ăn theo quy định; thông báo để Hiệu trưởng các trường mầm non công lập trực thuộc ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về số lượng lao động hợp đồng vị trí nấu ăn tại các trường mầm non công lập trực thuộc đảm bảo theo đúng định mức quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính bố trí kinh phí và chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Hải Phòng thực hiện kiểm soát, hướng dẫn chi trả kinh phí hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn tại cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố, đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố trong việc thực hiện số lượng lao động hợp đồng vị trí nấu ăn; tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, kiểm tra việc bố trí học sinh, các nhóm trẻ, lớp học bán trú của các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thẩm định, xác nhận số lớp, số học sinh, số cơ sở mầm non công lập có tổ chức nấu ăn cho trẻ làm cơ sở để tính định mức số lượng lao động vị trí nấu ăn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các CPVP UBNDTP;
- Các Phòng: KSTTHC, VX, TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC

Số lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 15 / 11 /2023 của UBND thành phố)

Stt	Quận, huyện	Số hợp đồng lao động nấu ăn được thành phố hỗ trợ năm 2023 (theo Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND)	Ghi chú
1	Hồng Bàng	81	
2	Ngô Quyền	85	
3	Lê Chân	117	
4	Kiến An	80	
5	Hải An	69	
6	Đồ Sơn	49	
7	Dương Kinh	48	
8	An Lão	139	
9	An Dương	187	
10	Kiến Thụy	124	
11	Thủy Nguyên	388	
12	Tiên Lãng	180	
13	Vĩnh Bảo	218	
14	Cát Hải	35	
15	Bạch Long Vĩ	1	
Tổng cộng		1.801	